

Các nhân tố tác động tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng

ĐẶNG THỊ THÚY DUYÊN*

Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích các nhân tố tác động tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng. Kết quả điều tra, khảo sát 335 người gồm các chủ doanh nghiệp, các nhà quản lý, cán bộ làm việc tại cơ quan quản lý nhà nước về du lịch tại ba tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình cho thấy, có 05 nhân tố tác động tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng, đó là: Tình hình kinh tế - xã hội chung; Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; Tiềm năng du lịch; Chất lượng nguồn nhân lực; Hội nhập và liên kết.

Từ khóa: quản lý nhà nước, du lịch, tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng

Summary

The study is to analyze factors affecting the state management of sustainable tourism development in the Southern sub-region of Red River delta. By a survey of 335 people who are business owners, managers and officials working in the state management agencies in charge of tourism in three provinces of Thai Binh, Nam Dinh and Ninh Binh, the author identifies five factors including: General socio-economic situation; Socio-economic development strategies and policies; Tourism potential; Quality of personnel; Integration and linkage.

Keywords: state management, tourism, Southern sub-region of Red River delta

GIỚI THIỆU

Các tỉnh tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng gồm có 3 tỉnh: Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình với tổng diện tích khoảng 4.600km², dân số 4,6 triệu người. Đây là những tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi, chỉ mất hơn một giờ di chuyển từ thủ đô Hà Nội - trung tâm du lịch khu vực phía Bắc. Hơn nữa, các tỉnh này còn sở hữu nhiều tiềm năng phát triển ngành du lịch. Bên cạnh các danh lam thắng cảnh nổi tiếng, như: Cúc Phương, Tam Cốc, Bích Động, Tràng An... cùng các bãi biển Hải Thịnh, Quất Lâm, Tiền Hải..., Nam Đồng bằng sông Hồng còn là nơi chứa đựng các giá trị lịch sử - văn hóa đặc sắc thể hiện ở các khu di tích chùa Bái Đính, Hoa Lư, Cổ Loa, chùa Keo... Chính vì thế, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch ở các tỉnh tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng là cần thiết, để từ đó nâng cao những đóng góp của ngành du lịch cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Điều 3, Luật Du lịch năm 2017 định nghĩa: Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyển di của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá một năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác.

Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO - United Nations World Tourism Organization): du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của những người du hành, tạm trú, trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn; cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục, nhưng không quá một

* ThS., Học viện Ngân hàng

Ngày nhận bài: 25/8/2019; Ngày phản biện: 18/9/2019; Ngày duyệt đăng: 20/9/2019

năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng loại trừ các du hành mà có mục đích chính là kiếm tiền. Du lịch cũng là một dạng nghỉ ngơi năng động trong môi trường sống khác hẳn nơi định cư (Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa, 2006).

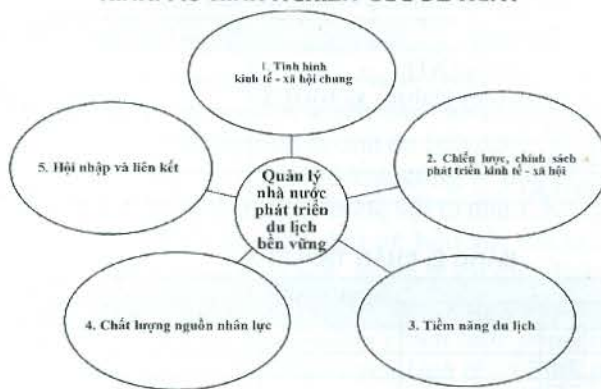
Nghiên cứu của Phutsady Phanyasith (2016) đã định nghĩa, quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch là phương thức nhà nước sử dụng pháp luật tác động vào đối tượng hoạt động du lịch để định hướng hoạt động này vận động, phát triển đạt được mục đích xác định.

S. Medlik (1995) cho rằng, trong quản lý nhà nước về du lịch, các chính sách phải dựa trên sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế, chính trị, xã hội và các đối tượng về không gian. Những đối tượng này phải được đặt vào một khuôn khổ mang tính quyết định mà chức năng chính của nó là việc đạt được mục tiêu với những ý nghĩa cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định. Thiết lập chính sách trong du lịch không phải là một nhiệm vụ phức tạp với chính phủ, mà là việc phát triển thông qua sự cộng tác với các tổ chức du lịch và ngành công nghiệp du lịch.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh du lịch trong thời kỳ hội nhập, Xu Xeng (2015) cho rằng: công tác ban hành và thực hiện pháp luật về du lịch cần được khắc phục từ khâu ban hành văn bản quy phạm pháp luật nói chung; tổ chức bộ máy nhà nước về du lịch cần được kiện toàn, ổn định nhanh chóng; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch cần chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch; công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh du lịch cần hướng đến việc làm trong sạch môi trường du lịch và áp dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý du lịch.

Trong luận án: “Hoàn thiện quản lý nhà nước về lao động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch ở Việt Nam”, tác giả Hoàng Văn Hoan (2002) phân tích các đặc trưng của kinh doanh du lịch, lao động trong kinh doanh du lịch, qua đó đưa ra các cơ sở lý luận xác định rõ nội dung cơ bản quản lý nhà nước đối với lao động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch; phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với lao động trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam giai đoạn 1990-2002, đánh giá các chính sách quản lý lao động trong kinh doanh du

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Tác giả đề xuất

lịch trên góc độ vĩ mô; đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với lao động trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam.

Sau khi tổng hợp các quan điểm và các nghiên cứu trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng như Hình.

Các giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau:

H1: Nhóm yếu tố về tình hình kinh tế - xã hội chung có ảnh hưởng đồng biến đến quản lý nhà nước phát triển du lịch bền vững

H2: Nhóm yếu tố về chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đồng biến đến quản lý nhà nước phát triển du lịch bền vững

H3: Nhóm yếu tố về tiềm năng du lịch có ảnh hưởng đồng biến đến quản lý nhà nước phát triển du lịch bền vững

H4: Nhóm yếu tố về chất lượng nguồn nhân lực có ảnh hưởng đồng biến đến quản lý nhà nước phát triển du lịch bền vững

H5: Nhóm yếu tố về hội nhập và liên kết có ảnh hưởng đồng biến đến quản lý nhà nước phát triển du lịch bền vững.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng, tác giả sử dụng đồng thời dữ liệu thứ cấp và sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được sử dụng từ báo cáo của các sở du lịch, cũng như văn bản pháp luật liên quan đến quản lý du lịch tại 3 địa phương đó là Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình. Đối với dữ liệu sơ cấp, tác giả tiến hành thu thập dữ liệu qua khảo sát bằng phiếu kết hợp với phỏng vấn nhằm thu thập ý kiến đánh giá của các chủ doanh nghiệp, các nhà quản lý, cán bộ làm việc tại cơ quan quản lý nhà nước về du lịch tại ba tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018. 400 phiếu điều tra được phát ra, sau khi thu về và làm sạch, còn 335 mẫu đủ điều kiện để đưa vào nghiên cứu chính thức.

Nghiên cứu đã sử dụng thang đo Likert cho điểm từ 1 đến 5 (1- rất kém và 5- rất tốt) để đo lường các biến

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CRONBACH'S ALPHA

Nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha
Tình hình kinh tế - xã hội chung (KT)	0,916
Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội (CS)	0,844
Tiềm năng du lịch (TN)	0,849
Chất lượng nguồn nhân lực (NL)	0,907
Hội nhập và liên kết (LK)	0,877

BẢNG 2: PHÂN TÍCH EFA

	Component				
	1	2	3	4	5
NL1	,831				
NL6	,780				
NL5	,777				
NL2	,776				
NL4	,739				
NL3	,721				
KT3		,859			
KT4		,835			
KT2		,828			
KT1		,772			
KT5		,740			
LK4			,763		
LK3			,706		
LK2			,703		
LK5			,690		
LK1			,656		
TN2				,848	
TN1				,783	
TN4				,742	
TN3				,735	
TN5				,654	
TN6					
CS1					,794
CS4					,663
CS2					,637
CS3					,580

BẢNG 3: KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT'S TEST

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,917
	Approx. Chi-Square	6204,697
	df	325
Bartlett's Test of Sphericity		
	Sig.	,000

Nguồn: Phân tích từ dữ liệu điều tra của tác giả

quan sát các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) đối với 5 nhân tố trong mô hình nghiên cứu (Tình hình kinh tế - xã hội chung; Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; Tiềm năng du lịch; Chất lượng nguồn nhân lực; Hội nhập và liên kết) được tổng hợp trong Bảng 1. Số liệu trong Bảng 1 cho thấy, 5 nhân tố trong mô hình nghiên cứu đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 và 26 biến quan sát đều có hệ số tương quan tổng biến phù hợp > 0,3. Như vậy, 5 nhân tố và 26 biến quan sát tương ứng trong mô hình nghiên cứu đều thỏa mãn điều kiện để đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Phân tích EFA

Phân tích EFA cho 5 biến độc lập gồm: Tình hình kinh tế - xã hội chung; Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; Tiềm năng du lịch; Chất lượng nguồn nhân lực; Hội nhập và liên kết. Thang đo biến độc lập gồm 26 biến quan sát. Kết quả phân tích EFA cho thấy, 26 biến quan sát của biến độc lập được gộp thành 5 nhân tố. Hệ số tải nhân tố (factor loading) đều > 0,5 nên chúng có ý nghĩa thiết thực. Mỗi biến quan sát có sai biệt về hệ số tải nhân tố đều lớn hơn $\geq 0,3$ nên đảm bảo sự phân biệt giữa các nhân tố (Bảng 2).

Kết quả ở Bảng 3 kiểm định tính thích hợp của mô hình cho thấy, hệ số thích hợp của nhân tố trong mô hình (KMO) = 0,917 > 0,5. Mức ý nghĩa (Sig.) = 0,00 (dữ liệu phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố).

Kiểm định mức ý nghĩa Bartlett về tương quan của các biến quan sát: Mức ý nghĩa (Sig.) = 0,00 < 0,05 (Các biến quan sát có tương quan với nhau trên tổng thể).

Giá trị riêng (Eigenvalue) = 1,205 > 1 và trích được 5 nhân tố mang ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất. Điều này phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố.

Kiểm định phương sai cộng dồn = 70,836%. Có 70,836% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 05 nhân tố: Tình hình kinh tế - xã hội chung: gồm 05 biến quan sát; Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội: gồm 04 biến quan sát; Tiềm năng du lịch: gồm 06 biến quan sát; Chất lượng nguồn nhân lực: gồm 06 biến quan sát; Hội nhập và liên kết: gồm 06 biến quan sát.

Với hệ số xác định điều chỉnh bằng 0,815 ($R^2 = 0,815$) cho thấy, sự tương thích của mô hình với 5 biến quan sát là khá lớn và 81,5% biến phụ thuộc phát triển du lịch bền vững bởi biến độc lập trong mô hình.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, giá trị thống kê $F = 293,941$, mức ý nghĩa = 0,000 cho thấy, mô hình sử dụng là phù hợp và 5 biến đều đạt được tiêu chuẩn chấp nhận (Tolerance > 0,0001).

Hệ số Durbin - Watson = 1,556, nằm trong khoảng 1 đến 3, nên không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất xảy ra. Sig. kiểm định t hệ số hồi quy 5 biến độc lập đều nhỏ hơn 0,05, do đó 5 biến độc lập đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc. Như vậy, mô hình hồi quy bội thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định độ phù hợp cho việc rút ra kết quả nghiên cứu.

Tiếp đó, từ kết quả phân tích thống kê trong mô hình hồi quy, phương trình hồi quy của các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng với các hệ số beta chuẩn hóa được thể hiện cụ thể như sau:

$$QL = 0,31*KT + 0,535*CS + 0,029*TN + 0,230*NL + 0,237*LK$$

Kết quả từ phương trình cho thấy, có 5 nhân tố có ý nghĩa thống kê và có tương quan thuận với quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng đó là: Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội có ảnh hưởng lớn nhất ($\beta=0,535$); xếp thứ hai là Tình hình kinh tế - xã hội chung ($\beta=0,31$); Liên kết và hợp tác xếp thứ ba ($\beta=0,237$); đứng thứ tư là Chất lượng nguồn nhân lực ($\beta=0,230$); đứng thứ năm là Tiềm năng du lịch ($\beta=0,029$).

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng thuận chiều đến quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng theo thứ tự ảnh hưởng từ cao đến thấp, gồm: (1) Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; (2) Tình hình kinh tế - xã hội chung; (3) Liên kết và hợp tác; (4) Chất lượng nguồn nhân lực; (5) Tiềm năng du lịch.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng, theo chúng tôi, cần lưu ý một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, các tỉnh ở tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển du lịch. Đối với các tỉnh tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng, việc vận dụng để nghiên cứu xây dựng và ban hành những

cơ chế chính sách ưu đãi đặc thù đối với phát triển du lịch là rất quan trọng.

Ngoài ra, cần xã hội hóa đối với việc tạo dựng hình ảnh du lịch ở tỉnh tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng. Đồng thời, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh du lịch dưới các hình thức kết hợp công - tư, hình thành công ty du lịch dựa trên sở hữu kết hợp giữa Nhà nước với tư nhân. Khuyến khích thực hiện xã hội hóa đầu tư, bảo vệ, tôn tạo di tích phục vụ phát triển du lịch. Hoàn thiện quy định về đào tạo và chế độ đãi ngộ đối với lao động du lịch.

Thứ hai, xây dựng định hướng chiến lược phát triển du lịch trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tế của các địa phương. Du lịch là một hoạt động có tính tổng hợp đòi hỏi có sự tham gia của nhiều ngành kinh tế của mỗi địa phương. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch phải gắn với thực trạng và định hướng phát triển của địa phương. Bên cạnh đó, cần phải đảm bảo tính liên vùng nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực của địa phương cũng như của các tỉnh lân cận. Việc triển khai lập, xét duyệt các đề án quy hoạch chi tiết các khu vực trọng điểm, điểm, tuyến du lịch cần có phương án khả thi đảm bảo tính lâu dài, đảm bảo tính thân thiện với môi trường.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác đào tạo, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch. Cụ thể: cần tập trung cho công tác đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo về chất lượng, đủ số lượng, cơ cấu phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch nói chung và du lịch ở các tỉnh tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng nói riêng.

Thứ tư, tăng cường liên kết hợp tác trong phát triển du lịch. Ngành du lịch các tỉnh tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng cần tăng cường hợp tác liên kết với các địa phương trên cả nước, chú trọng hợp tác liên kết với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và các tỉnh duyên hải ven biển, đặc biệt với Thủ đô Hà Nội trong mọi lĩnh vực để phát triển du lịch.

Thứ năm, tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch. Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch trên địa bàn các tỉnh tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng nhằm thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động du lịch, phát hiện các sai phạm, lệch hướng với chiến lược, chính sách nhằm bảo vệ tài sản, tài nguyên du lịch, lợi ích của cộng đồng dân cư, khách du lịch, góp phần tăng trưởng kinh tế và phát triển du lịch. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2017). *Luật Du lịch*, số 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017
2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006). *Giáo trình kinh tế du lịch*, Nxb Lao động - Xã hội
3. Hoàng Văn Hoan (2002). *Hoàn thiện quản lý nhà nước về lao động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
4. Phutsady Phanyasith (2016). *Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
5. S. Medlik (1995). *Managing Tourism*, Butterworth - Heinemann Ltd
6. Xu Xeng (2015). *State management for business travel activities in China*, access to <http://en.people.cn>